

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ - ST.

Ngày: 26/01/2024.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lữ Đình Tính.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lan.

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Vịnh. Là: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 409/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST - HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Thu T. Sinh năm: 1993 (Vắng mặt, có đơn xin vắng).

Địa chỉ: Thôn L, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn Q. Sinh năm: 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Thu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn Q sau một thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau tự nguyện thì quyết định tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74/2021, cấp ngày 01/07/2021. Sau khi về chung sống với nhau do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm nhiều trong cuộc sống, anh Q hay bỏ nhà đi chơi bài bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng anh chị hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm danh dự, nhân phẩm lẫn nhau, không tôn trọng nhau trong cuộc sống. Dù đã được gia đình hai bên hòa giải và bản thân chị T cũng đã cố gắng chịu đựng mong anh Q thay đổi nhưng không được nên cuộc sống của vợ chồng không hạnh phúc. Do xác định mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị T không thể tiếp tục chung sống với anh Q được nữa nên lúc đang mang thai cháu thứ hai chị đã về lại nhà ba mẹ đẻ ở thôn L, xã E sinh sống từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, ai biết bốn phận người đó không quan tâm chăm sóc gì nhau nữa. Chị T nhận thấy cuộc sống vợ chồng gặp nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài thêm được nữa. Vì vậy, chị T làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn Q.

- Tại bản tự khai ngày 30 tháng 10 năm 2023 bị đơn anh Phạm Văn Q trình bày:

Anh Phạm Văn Q thừa nhận lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân là có thật nên không bổ sung gì thêm. Trong quá trình sống chung do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, bản thân anh có tham gia chơi đánh bài, không nghe lời vợ khuyên nhủ nên vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và đến tháng 10 năm 2022, chị T đã về nhà mẹ đẻ ở xã E để sinh sống, từ thời gian đó đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Hiện nay do nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn cơ hội để quay về đoàn tụ nên chị T có nguyện vọng muốn được ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Chị Lê Thị Thu T và anh Phạm Văn Q xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc An N, sinh ngày 11/07/2021 và cháu Phạm Ngọc Tố U, sinh ngày 15/01/2023. Sau khi vợ chồng anh chị sống ly thân thì cả hai cháu đều do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nguyện vọng của chị T là xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi vì hiện nay cả hai cháu đều còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, từ khi sinh các cháu ra chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con và hiện nay các con vẫn được chị chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Bản thân anh Q chỉ suốt ngày lo đi chơi, không quan tâm đến vợ con, kể từ khi vợ chồng sống ly thân anh Q rất hiếm khi thăm mẹ con chị nên chị không đồng ý giao con chung là cháu Phạm Ngọc An N cho anh Q nuôi dưỡng. Nếu được nuôi dưỡng con chung thì chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Nguyện vọng của anh Q là xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc An N và giao cháu Phạm Ngọc Tố U cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Lê Thị Thu T và anh Phạm Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn Q: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Ngày 30 tháng 10 năm 2023 anh Q đến Tòa án làm việc Tòa án trình bày bản tự khai nhưng sau đó anh Q không đến Tòa án để tham gia phiên họp, phiên hòa giải.

Tại phiên tòa chị Lê Thị Thu T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Văn Q vắng mặt không có do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc trình bày quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, hội đồng xét xử (HĐXX) và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Văn Q không đến Tòa án để tham gia phiên họp, phiên hòa giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị Lê Thị Thu T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Văn Q vắng mặt không có do. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Lê Thị Thu T và anh Phạm Văn Q.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thu T được ly hôn với anh Phạm Văn Q. Về con chung: Giao con chung cháu Phạm Ngọc An N, sinh ngày 11/07/2021 và cháu Phạm Ngọc Tố U, sinh ngày 15/01/2023 cho chị Lê Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Thu T không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Lê Thị Thu T đề ngày 05/10/2023, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Lê Thị Thu T khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn Q có nơi cư trú tại Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a

khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn chị Lê Thị Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Văn Q đã được Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc triệu tập đến phiên tòa để xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu T và anh Phạm Văn Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74/2021, cấp ngày 01/07/2021. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính nhau, anh Q chơi bài bạc không lo làm ăn, không chăm lo gia đình từ đó hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn Q vắng mặt tuy nhiên trong quá trình làm việc tại Tòa án tại bản tự khai thì anh Q thừa nhận mâu thuẫn gia đình như chị T trình bày là đúng và anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương tổ dân phố A, thị trấn P và thôn L, xã E (Bút lục 44, 45, 46) cho thấy vợ chồng anh chị chung sống không hạnh phúc và đã sống ly thân từ cuối năm 2022. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Q là có cơ sở pháp luật.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh Q có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc An N, sinh ngày 11/07/2021 và cháu Phạm Ngọc Tố U, sinh ngày 15/01/2023. Chị Lê Thị Thu T có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn Q có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc An N và giao cháu Phạm Ngọc Tố U cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy việc chị T và anh Q có nguyện vọng nuôi con chung là chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cần căn cứ quyền lợi mọi mặt cuộc sống của các cháu.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

Qua xem xét lời khai các đương sự cung cấp tại Tòa án, chứng cứ mà chị T cung cấp và các biên bản xác minh tại chính quyền địa phương thì thấy: Cháu Nhi, sinh ngày 11/07/2021 đến thời điểm xét xử cháu mới được 30 tháng tuổi và cháu Uyên, sinh ngày 15/01/2023 mới được 12 tháng tuổi nên cần phải được chăm sóc ân cần, tỉ mỉ mới đảm bảo cho sự phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần cho các cháu. Chị T đang kinh doanh shop quần áo, thu nhập hàng tháng từ 15 triệu đến 20 triệu và chủ động về thời gian chăm sóc con, hiện nay các cháu được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Anh Q trình bày kinh doanh mặt hàng trái cây sầu riêng, thu nhập bình quân một tháng 20 triệu đồng và đang sống cùng cha mẹ nên anh có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nhi nhưng anh Q không cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh thu nhập, điều kiện kinh tế của mình. Mặt khác, sau khi vợ chồng chị T, anh Q sống ly thân thì cả hai con chung của anh chị đều do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Q rất ít khi đến thăm nom con. Tại địa phương chị T cũng mở shop kinh doanh buôn bán quần áo do vậy, đề nghị Tòa án giải quyết xem xét giao các con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi 18 tuổi. Đối với anh Q, qua xác minh tại địa phương thể hiện anh Q đang sống cùng bố mẹ và có giai đoạn kinh doanh trái cây thu mua sầu riêng nhưng công việc buôn bán cũng không được thuận lợi nên địa phương cũng không nắm rõ thu nhập thực tế của anh. Như vậy, nếu giao con cho chị T nuôi dưỡng thì sẽ đảm bảo được mọi mặt cho cuộc sống của các cháu hơn. Từ những phân tích nêu trên HĐXX cần áp dụng Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Phạm Ngọc An N, sinh ngày 11/07/2021 và cháu Phạm Ngọc Tố U, sinh ngày 15/01/2023 cho chị Lê Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Anh Phạm Văn Q được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị Lê Thị Thu T không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Thu T không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Thu T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Không Pắc là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lý trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thu T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thu T được ly hôn với anh Phạm Văn Q.

[2] Về con chung: Giao con chung cháu Phạm Ngọc An N, sinh ngày 11/07/2021 và cháu Phạm Ngọc Tố U, sinh ngày 15/01/2023 cho chị Lê Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Văn Q được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, anh Phạm Văn Q không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[3] Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0003410 ngày 18/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị Thu T, bị đơn anh Phạm Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND huyện Krông Pắc.
- Chi cục THADS huyện K.
- Các đương sự.
- UBND xã E.
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lữ Đình Tính